

Số: 1801/2024/QĐST-HNGĐ

Ngày: 30-8-2024

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhơn

2. Ông Lê Văn Mỹ

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Trân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:

Bà Dương Thị Thùy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 794/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 532/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 402/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Hồ Thị Ngọc D**, sinh năm 1972 (có mặt)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Thái B**, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: **2 B, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn kiện cùng các lời khai của bà **Hồ Thị Ngọc D** trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:*

Bà **Hồ Thị Ngọc D** và ông **Nguyễn Thái B** tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn và được **UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai** cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04, quyển 01, ngày 12/01/1999.

Thời gian đầu chung sống bình thường, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng quan điểm nên thường xảy ra tranh cãi, ông **B** đã nhiều lần đánh mắng bà trước mặt các con và ba mẹ chồng nên không khí gia đình luôn căng thẳng, nặng nề ảnh hưởng đến tâm lý của các con. Tuy vẫn sống chung nhà nhưng ông bà sống ly thân từ năm 2020 đến nay, trong suốt thời gian sống ly thân bà và ông **B** mạnh ai lo cuộc sống của người đó, không ai quan tâm đến ai. Ông bà không còn chia sẻ với nhau về các vấn đề của cuộc sống gia đình, con cái cũng như công việc vì không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, tình cảm vợ chồng cũng vì thế mà ngày càng phai nhạt. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông **B** để sớm ổn định lại cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông **Nguyễn Thái B** có 03 người con chung tên **Nguyễn Diệp Minh A**, sinh ngày 10/5/2000; **Nguyễn Diệp Quốc A1**, sinh ngày 30/4/2004 (các con đều đã trưởng thành) và **Nguyễn Diệp Phúc A2**, sinh ngày 23/5/2009. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ **Phúc A2** và không yêu cầu ông **B** cấp dưỡng việc nuôi con chung cho bà.

Về tài sản chung: Ông bà tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trước đây khi nộp đơn khởi kiện, bà **D** có yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là căn nhà **số B B, Phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**. Ngày 25/7/2024, bà **D** đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc phân chia tài sản chung vợ chồng mà để ông bà tự thỏa thuận giải quyết;

Về nợ chung: Bà và ông **Nguyễn Thái B** không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà **D** vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà khẳng định mình không còn tình cảm gì với chồng, khoảng cách vợ chồng ngày càng lớn, cả hai không còn sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau và cũng không tìm được tiếng nói chung, nên bà cương quyết đề nghị tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **B**.

*Phía bị đơn – ông **Nguyễn Thái B** trình bày tại bản tự khai ngày 26/6/2024 như sau:*

Ông Nguyễn Thái B cũng thống nhất với ý kiến trình bày của bà D về quá trình kết hôn, con chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bà D nghi ngờ ông, ông đã giải thích nhưng bà D không đồng ý nên vợ chồng có sự hiểu lầm. Nay bà D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông, vì các con ông không đồng ý ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông và bà D có 03 người con chung tên Nguyễn Diệp Minh A, sinh ngày 10/5/2000; Nguyễn Diệp Quốc A1, sinh ngày 30/4/2004 (các con đều đã trưởng thành) và Nguyễn Diệp Phúc A2, sinh ngày 23/5/2009. Do ông không đồng ý ly hôn nên các vấn đề về con chung ông không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Do ông không đồng ý ly hôn nên vấn đề về tài sản chung ông không có ý kiến gì.

Tại phần tranh luận:

Nguyên đơn không phát biểu ý kiến tranh luận.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán.

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định tại Điều 209, 210, 211 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án không vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

2. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa.

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký đã tuân theo đúng quy định của Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng.

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà **Hồ Thị Ngọc D** được ly hôn với ông **Nguyễn Thái B**.
- Về con chung: Bà **D** và ông **B** có 03 người con chung tên **Nguyễn Diệp Minh A**, sinh ngày 10/5/2000; **Nguyễn Diệp Quốc A1**, sinh ngày 30/4/2004 (các con đều đã trưởng thành) và **Nguyễn Diệp Phúc A2**, sinh ngày 23/5/2009. Giao trẻ **Phúc A2** cho bà **D** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của bà **D** về việc không yêu cầu ông **B** cấp dưỡng việc nuôi trẻ **Phúc A2** cho bà **D**.
- Về tài sản chung vợ chồng: Bà **D** và ông **B** tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Bà **D** và ông **B** không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị đình chỉ yêu cầu khởi kiện về chia tài sản chung của vợ chồng.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà **D** chịu án phí ly hôn. Hoàn tiền tạm ứng án phí do đình chỉ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ tranh chấp giữa bà **Hồ Thị Ngọc D** và ông **Nguyễn Thái B** là “Ly hôn” được quy định khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn – ông **Nguyễn Thái B** hiện đang thường trú tại địa chỉ **2 B, Phường A, quận B**. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố

tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử lần 1 vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 12/8/2024 và lần 2 lúc 14 giờ 00 phút ngày 30/8/2024 nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên tòa theo quy định.

[3]. Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân giữa bà **Hồ Thị Ngọc D** và ông **Nguyễn Thái B** được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được **UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai** cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 04, quyển 01, ngày 12/01/1999, nên xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cùng các lời khai của bà **D** có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, đều khẳng định tình trạng hôn nhân giữa bà và ông **B** đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, nguyên nhân chính là do vợ chồng thiếu sự tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên tranh cãi, đôi khi dẫn đến xô xát với nhau trước mặt con cái, không khí gia đình luôn nặng nề, ngột ngạt ảnh hưởng đến tâm lý và sự phát triển của các con. Hiện bà **D** và ông **B** không thể cùng nhau nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn vì không tìm được tiếng nói chung. Mặt khác, do cả hai đã sống ly thân trong một khoảng thời gian dài, khoảng cách vợ chồng ngày càng lớn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà **D** yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **B**.

Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ lúc thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông **Nguyễn Thái B** đến Tòa án để giải quyết vụ án theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng ông **B** chỉ có mặt một lần để làm bản tự khai, trong bản tự khai ông thừa nhận do vợ chồng thiếu sự tin tưởng nhau dẫn đến hiểu lầm, ông có yêu cầu được hàn gắn vì các con nhưng ngoài lời trình bày thì không đưa ra được phương án gì nhằm hàn gắn tình cảm, giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Sau lần làm bản tự khai, ông **B** vắng mặt không có lý do các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ. Điều này thể hiện, ông **B** thực sự thờ ơ không còn quan tâm đến tình trạng hôn nhân giữa ông và bà **D**, không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn vợ chồng.

Toà án cũng đã nhiều lần phân tích, động viên bà **D** quay về đoàn tụ với ông **B** vì vợ chồng đã lớn tuổi, con cái cũng đã trưởng thành ông bà nên bỏ qua mâu thuẫn và

hàn gắn để cùng nhau chăm lo cho các con nhưng bà **D** khẳng định bà không còn tình cảm gì với ông **B**, không khí gia đình luôn căng thẳng, ngọt ngào, vợ chồng không ai nói với ai nửa lời, mạnh ai sống cuộc sống của người đó, bà nhận thấy cả hai không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hiện tại. Vì vậy, bà cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **B**.

Từ các cơ sở trên, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà **D** và ông **B** đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà **D** như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh.

Về con chung: Bà **Hồ Thị Ngọc D** và ông **Nguyễn Thái B** có 03 người con tên **Nguyễn Diệp Minh A**, sinh ngày 10/5/2000; **Nguyễn Diệp Quốc A1**, sinh ngày 30/4/2004 (các con đều đã trưởng thành) và **Nguyễn Diệp Phúc A2**, sinh ngày 23/5/2009. Bà **D** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ **Phúc A2** và không yêu cầu ông **B** cấp dưỡng việc nuôi con chung cho bà, còn ông **B** lại không có ý kiến gì về vấn đề con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc tiếp tục giao trẻ **Phúc A2** cho bà **D** trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của trẻ **Phúc A2**, đồng thời cũng đảm bảo được sự phát triển toàn diện của trẻ, tránh sự xáo trộn về mặt tâm lý của trẻ nên có cơ sở để chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà **D** về việc không yêu cầu ông **B** cấp dưỡng việc nuôi con chung cho bà.

Về tài sản chung: Bà **D** tự thỏa thuận giải quyết với ông **B**, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 25/7/2024, bà **D** đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc phân chia tài sản chung vợ chồng. Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung của vợ chồng.

Về nợ chung: Bà **D** khai bà và ông **B** không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà **D** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c Khoản 1 Điều 217; Điểm b Khoản 2 Điều 227 ; Điều 228 Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật thi hành án dân sự;

- Áp dụng Luật án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà **Hồ Thị Ngọc D**:

Về quan hệ vợ chồng: Bà **Hồ Thị Ngọc D** và ông **Nguyễn Thái B** được ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 04, quyển 01, ngày 12/01/1999 do **UBND xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai** cấp cho bà **Hồ Thị Ngọc D** và ông **Nguyễn Thái B** hết hiệu lực ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà **Hồ Thị Ngọc D** và ông **Nguyễn Thái B** có 03 người con chung tên **Nguyễn Diệp Minh A**, sinh ngày 10/5/2000; **Nguyễn Diệp Quốc A1**, sinh ngày 30/4/2004 (các con đều đã trưởng thành) và **Nguyễn Diệp Phúc A2**, sinh ngày 23/5/2009. Giao trẻ **Nguyễn Diệp Phúc A2** cho bà **D** là người trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông **Nguyễn Thái B** được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Nghĩa vụ cấp dưỡng việc nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà **D** về việc không yêu cầu ông **B** cấp dưỡng việc nuôi trẻ **Phúc A2** cho bà **D**.

Các bên thi hành án tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Về tài sản chung: Bà **Hồ Thị Ngọc D** tự thỏa thuận giải quyết với ông **Nguyễn Thái B**, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà **Hồ Thị Ngọc D** khai bà và ông **Nguyễn Thái B** không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện về việc nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng.

2. *Án phí dân sự sơ thẩm*: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà **D** phải nộp toàn bộ nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà **D** đã nộp theo biên lai thu số 0023539 ngày 16/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Sau khi miễn trừ, bà **D** được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí là 14.000.000đồng (Mười bốn triệu đồng) theo biên lai thu trên.

3. *Quyền kháng cáo*: Bà **Hồ Thị Ngọc D** được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông **Nguyễn Thái B** được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- THA DS Q.Bình Thạnh;
- UBND xã Phước Thiện;
- Dương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Nguyệt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Nguyệt

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào lúc 10 giờ 40 phút, ngày 04 tháng 4 năm 2024, tại phòng nghị án Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Hội đồng xét xử sơ thẩm với thành phần gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Hồ Thị Lang

2/ Bà Nguyễn Thị Bích Thân

Đã tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 161/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/01/2022, giữa:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đông Phương, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Tiệm cầm đồ Tiến Phát, Khu phố Chánh, phường Gia Bình, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Bà Đào Hồng Ngọc, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: 13B Trần Bình Trọng, Phường 5, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa các bên đương sự đã thống nhất được với nhau để giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận và biểu quyết 3/3 quyết định những vấn đề sau:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c Khoản 1 Điều 217; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật thi hành án dân sự;

- Áp dụng Luật án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – ông Nguyễn Đông Phương:

Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Đông Phương và bà Đào Hồng Ngọc thống nhất thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 142, quyển 01/2004, ngày 08/12/2004 do UBND thị trấn Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh cấp cho ông Nguyễn Đông Phương và bà Đào Hồng Ngọc hết hiệu lực ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Ông Nguyễn Đông Phương và bà Đào Hồng Ngọc có 02 người con tên Nguyễn Đông Kha, sinh ngày 18/7/2007 và Nguyễn Đông Nghi, sinh ngày 26/7/2009. Giao trẻ Nguyễn Đông Kha và trẻ Nguyễn Đông Nghi cho bà Ngọc là người trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Đông Phương được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Chu Thị Nguyệt

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thanh Mười